HTÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2023/HS-ST
Ngày: 11/08/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- THÀnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Ông **Lê Văn Hoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B , thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Hưng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân huyện B đưa ra xét xử trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 07 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST- HS ngày 24/7/2023 đối với bị cáo:

1.Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1982; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Vân Hồng, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Linh, sinh năm: 1957 và bà Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị HÀ, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/02/2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại giam số 01 Công an TP Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Cù Thị S, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Thôn ĐS, xã Đường Lâm, thị xã ST, Hà Nội

(*Bà S có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T1 và bà Cù Thị S có mối quan hệ quen biết với nhau.

Theo trình bày của bà Cù Thị S: vào khoảng tháng 6 hoặc tháng 7/2021, T1 có trao đổi qua điện thoại hỏi mượn tiền của bà S để đáo hạn ngân hàng, bà S đồng ý. Vài hôm sau, T1 đi đến nhà bà S ở thôn ĐS, xã Đường Lâm, thị xã ST để viết giấy vay tiền với số tiền 826.000.000đ. Bà S đã lấy tiền mặt số tiền 826.000.000đ rồi đi cùng với T1 lên Quỹ tín dụng thị trấn TĐ. Khi đến nơi, bà S đưa số tiền trên cho T1 để đáo hạn vay. Khoảng 15 – 20 ngày sau thì T1 đã trả cho bà S số tiền 300.000.000đ, còn nợ lại 526.000.000đ. Để làm tin thì T1 đã đưa cho bà S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 945542, sau khi xem và kiểm tra bằng mắt thường thì bà S xác định là thật. Sau đó, vài hôm sau thì T1 hỏi mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để mang về đi cầm cố lấy tiền trả cho bà S. Bà S đồng ý và đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho T1. Tuy nhiên, một thời gian sau không thấy T1 trả tiền, bà S đã gọi điện yêu cầu T1 mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà S. T1 nói với bà S: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cắm nợ số tiền 500.000.000đ, T1 hỏi vay bà S số tiền này để lấy sổ đỏ về rồi bán đất cho bà S. Bà S đồng ý và đưa cho T1 vay thêm số tiền 500.000.000đ để trả nợ. Khoảng vài ngày sau, T1 có đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 945542 cho bà S. Do tin tưởng nên bà S không kiểm tra lại. Đến ngày 15 hoặc 16/7/2021, bà S phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T1 đưa cho là giả nên đã nhắn tin thông báo cho T1 biết với nội dung "*Tiền cháu cầm của người ta. Cháu đưa sổ đỏ giả ai họ nghe. Cháu không nhanh giải quyết cô không giúp mãi được đâu*", "*Chúng nó bảo cháu bán đất sổ đỏ giả nó không nghe đâu*" (Bút lục 75)

Đến ngày 07/11/2021, do không thấy T1 trả nợ nên bà S đã yêu cầu vợ chồng T1 phải viết giấy biên nhận đặt cọc về việc T1 nhận đặt cọc số tiền 1.026.000.000đ, để chuyển nhượng thửa đất của T1 ở thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B cho bà S. T1 và vợ là Nguyễn Thị Hà đã viết giấy nhận đặt cọc với bà S. Việc bà S yêu cầu vợ chồng T1 phải ký hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021 để làm tin về T1 còn nợ bà S số tiền 1.026.000.000đ, T1 hứa nếu không trả được tiền thì sẽ bán nhà của T1 cho bà S (Bút lục 326-328)

Quá trình làm việc tại CQĐT Nguyễn Thanh T1 khai nhận: Khoảng tháng 5 năm 2021, T1 có gọi điện thoại hỏi vay của bà Cù Thị S số tiền 500.000.000đ để đáo hạn khoản vay ở Quỹ tín dụng TĐ, huyện B, thành phố Hà Nội. Bà S đồng ý cho T1 vay số tiền trên với lãi suất 5.500đ/triệu/ngày. Khoảng 10 giờ sáng ngày hôm sau thì T1 đến nhà bà S tại địa chỉ: Số 720 thôn ĐS, Xã Đường Lâm, thị xã ST, Hà Nội, T1 có viết 01 tờ giấy vay tiền cho bà S với số là 500.000.000đ trong thời hạn 07 ngày thì T1 sẽ hoàn trả số tiền trên cho bà S. Lãi suất khoản vay trên sẽ được bà S tính kể từ lúc đưa cho T1 tiền. Sau khi viết giấy vay tiền xong, bà S mang theo 500.000.000đ đi cùng T1 đến Quỹ tín dụng TĐ, huyện B, Hà Nội để làm thủ tục đáo hạn khoản vay. Sau khi T1 nộp tiền đáo hạn vào quỹ tín dụng TĐ, huyện B, Hà Nội xong thì T1 và bà S đi về. Khoảng 3 ngày sau kể từ lúc T1 vay tiền của bà S, T1 đã trả cho bà S 300.000.000đ và 5.000.000đ tiền lãi của số tiền đã vay bà S là 500.000.000đ tại nhà T1 ở Đồng Mọn, thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội nên T1 còn nợ lại bà S 200.000.000đ. Khoảng 20 ngày sau, kể từ lúc T1 vay của bà S tiền, T1 đã trả cho bà S 20.000.000đ tiền lãi suất của khoản vay 200.000.000đ còn nợ lại bà S. Tiếp tục 20 ngày tiếp tiếp theo T1 trả lãi cho bà S 18.000.000đ tiền lãi của số tiền còn nợ bà S là 200.000.000đ, còn nợ lại bà S 2.000.000đ tiền lãi. Từ thời điểm đó đến nay T1 không có khả năng chi trả số tiền gốc và tiền lãi cho bà S nên bà S cộng tiền lãi vào số tiền gốc đã vay 200.000.000đ rồi tiếp tục tính lãi suất với số tiền 5.500đ/triệu/ngày. Đến khoảng đầu tháng 7/2021, bà S nhiều lần gọi điện thoại cho T1 để đòi tiền. Do chưa có tiền để trả nợ cho bà S, nên T1 có ý định đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho bà S để làm tin, kéo dài thời gian trả nợ. Thời điểm này, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình T1 vẫn đang cầm cố tại Ngân hàng. Do vậy, T1 đã lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu về "giấy tờ giả" thì T1 tham gia vào nhóm page "giấy tờ giả" ở mạng xã hội Facebook và nói chuyện với 01 tài khoản Facebook trong nhóm này (T1 không nhớ tên) và thuê người này làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 8.000.000đ. T1 có bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1 nên đã chụp ảnh gửi cho người này qua tin nhắn Facebook và yêu cầu làm giống với bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ nhà T1. Vài hôm sau, thì tài khoản Facebook này có gửi cho T1 giấy CNQSDĐ số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1 (bản Scan) qua hệ thống giao hàng Viettel Post, T1 có được giao dịch viên gọi điện thoại xuống chi nhánh Viettel Post ở địa chỉ: xã Chu Minh, huyện B, Hà Nội để nhận hàng. Sau khi nhận bưu phẩm và mở ra xem thì T1 thấy chất lượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đẹp nên đã gọi điện qua Facebook với người bán để thỏa thuận lại giá là

4.000.000đ, người này đồng ý. Đến ngày 14 hoặc 15/7/2021, bà S gọi điện thoại cho T1 để đòi tiền thì T1 đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho bà S để làm tin cho bà S không đòi tiền nữa và kéo dài thời gian để thu xếp tiền trả nợ. Đến ngày 16/7/2021, bà S phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T1 đưa là giả. Đến ngày 07/11/2021, do không có tiền trả cho bà S nên bà S đã chốt nợ gốc và lãi của T1 là 1.026.000.00đ. Bà S yêu cầu vợ chồng T1 phải viết giấy biên nhận đặt cọc với nội dung: vợ chồng T1 nhận đặt cọc số tiền 1.026.000.000đ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình T1 tại địa chỉ thôn Đoài, TĐ, B. Sau đó, do công việc khó khăn nên T1 vẫn chưa trả lại số tiền đã vay cho bà S.

Tại CQĐT, chị Nguyễn Thị H trình bày: Về việc vay tiền giữa T1 và bà S như T1 đã trình bày. Ngày 07/11/2021, theo yêu cầu của bà S thì chị H cùng với T1 đã ký hợp đồng đặt cọc với nội dung: Vợ chồng T1 nhận đặt cọc số tiền 1.026.000.000đ để chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình T1 tại địa chỉ thôn Đoài, TĐ, B. Về việc T1 đặt làm và đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà S thì chị H không biết.

Ngày 31/10/2022, Cơ quan CSĐT- CA huyện B đã có công văn số 760 đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện B cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến giấy CNQSD đất số AO 945542 do UBND huyện B cấp ngày 09/12/2009 mang tên Nguyễn Thanh T1, thửa đất số 16, tờ số 14, diện tích 100 m^2 đất ở, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, thị trấn TĐ, B, Hà Nội. Tại văn bản trả lời số 282/CNHBV ngày 04/11/2022 của Văn phòng phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện B trả lời như sau:

- Ngày 09/04/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B đăng ký thế chấp QSD đất với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam- CN Đống Đa- PGD Láng Hạ theo Hợp đồng thế chấp công chứng tại Văn phòng công chứng Đông Đô ngày 30/03/2021. Ngày 07/07/2021, đã xoá thế chấp QSD đất ngày 09/04/2021 theo đơn và thông báo giải chấp ngày 06/07/2021.

- Ngày 23/09/2021, Nguyễn Thanh T1 và vợ là Nguyễn Thị Hà đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 1854 tại văn phòng công chứng Nguyễn Tự (cơ sở 2), địa chỉ: Ngõ 128- Cổng Tiền, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội về việc chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 16, tờ số 14, diện tích 100 m^2 đất ở, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội cho ông Nguyễn Viết Thuận và bà Lê Thị Tuyết Nhung cùng trú tại: TĐ, huyện B, Hà Nội với số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Ngày 19/05/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cấp giấy chứng nhận số DE 686040 mang tên ông Thuận và bà Nhung, đồng thời thu hồi giấy CNQSD đất số AO 945542 do UBND huyện B cấp ngày 19/12/2009.

Ngày 07/09/2022, Cơ quan CSĐT- CA huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 345 yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với giấy biên nhận đặt cọc

ngày 07/11/2021 về việc mua thửa đất ô số AO 945542 (Bản gốc, ký hiệu A1) và phương pháp tạo ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản gốc, Ký hiệu A2). Tại bản kết luận giám định số 7127/KL- KTHS ngày 13/10/2022 của phòng PC09-CATP Hà Nội, kết luận:

"*Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị H dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.*

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thanh T1 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên các mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 945542 cần giám định (ký hiệu A2) là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, được tạo ra bằng phương pháp in mầu kỹ thuật số"

Tiến hành làm việc tại văn phòng Viettel Post, địa chỉ: Chu Minh, B, Hà Nội rà soát hệ thống dữ liệu và sổ sách từ thời điểm tháng 05 đến tháng 09/2021 đối với đơn hàng là giấy CNQSD đất số AO 945542 (bản scan) của anh Nguyễn Thanh T1, tuy nhiên, qua rà soát thì không có đơn hàng nào giá trị 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) từ thời điểm trên như anh T1 trình bày.

Đối với nội dung tố giác T1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Quá trình điều tra xác định: việc vợ chồng T1 ký hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021 với bà Cù Thị S không phải là nhằm mục đích bán đất cho bà S mà chỉ là hợp đồng giả cách để làm căn cứ cho việc T1 nợ bà S số tiền 1.026.000.000đ. Vì vậy, hành vi của T1 không đủ căn cứ cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015.

Đối với hành vi Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự của bà Cù Thị S: quá trình điều tra, ngoài lời khai của T1 thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác, do đó không đủ căn cứ để xác định bà S có hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015.

Đối với người đàn ông đã bán Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T1, căn cứ lời khai của T1 thì không xác định được con người cụ thể, nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này.

Vật chứng thu giữ:

01 điện thoại di động SAM SUNG A50S Galaxy màu đen (đã qua sử dụng), số sê ri: R58M88F96TP, số IMEI 1: 358193100934661, Số IMEI 2: 358194100934669, bên trong lắp sim số 0972.199.162 của Nguyễn Thanh T1 (T1 đã sử dụng chiếc điện thoại có lắp sim số trên để trao đổi việc làm giả giấy CNQSD đất số AO 945542 (bản scan) với 01 tài khoản trên mạng xã hội Facebook để đưa cho bà S).

01 giấy CNQSD đất số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1. Sinh năm: 1982; thửa đất số 16; tờ bản đồ số 14; diện tích: 100 m^2, địa chỉ: Đồng Mọn- Thôn Đoài, thị trấn TĐ, B, Hà Nội (bản Scan)- là giấy CNQSDĐ giả.

Đối với 01 giấy CNQSDĐ giả, số A0945542- Cơ quan CSĐT lưu chuyển cùng hồ sơ vụ án. Đối với 01 chiếc điện thoại di động SAM SUNG A50S của T1, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định chuyển vật chứng đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện B để giải quyết theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 61/CT-VKSBV ngày 04/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T1 về tội : " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung như cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX : Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Vật chứng: Tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động SAM SUNG A50S Galaxy màu đen (đã qua sử dụng), số sê ri: R58M88F96TP, số IMEI 1: 358193100934661, Số IMEI 2: 358194100934669, bên trong lắp sim số 0972.199.162 của Nguyễn Thanh T1 (T1 đã sử dụng chiếc điện thoại có lắp sim số trên để trao đổi việc làm giả giấy CNQSD đất số AO 945542 (bản scan) với 01 tài khoản trên mạng xã hội Facebook để đưa cho bà S). Đề nghị tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 giấy CNQSD đất số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1982; thửa đất số 16; tờ bản đồ số 14; diện tích: 100 m^2, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, TT. TĐ, B, Hà Nội (bản Scan)- là giấy CNQSDĐ giả. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai nhận tội của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến HÀnh tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thanh T1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ tang vật CQĐT thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng đầu tháng 07/2021, do không có tiền để trả nợ cho bà Cù Thị S, bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã có ý định lên mạng xã hội Facebook để đặt mua 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thanh T1, thửa đất số 16, tờ số 14, diện tích 100 m^2 đất ở, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội giả rồi đưa cho bà S để làm tin. Tại cáo trang Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T1 về tội : " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS. Theo hồ sơ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ HĐXX thấy bị cáo Nguyễn Thanh T1 không làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức mà bị cáo chỉ có hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức. Do vậy, HĐXX chuyển sang bị cáo Nguyễn Thanh T1 sang tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" vẫn giữ nguyên quy định tại khoản 1 Điều 341 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thanh T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng, hai bác ruột của bị cáo là liệt sỹ. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực tự điều khiển hành vi của mình nên nhận thức được những việc làm đúng, sai, những việc pháp luật nghiêm cấm cũng như hành vi sử dụng tài liệu giả mạo để tạo niềm tin đối với bà S, để bà S cho vay tiền là vi phạm pháp luật những vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các tổ chức, cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người biết chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hai bác là liệt sỹ và có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ cần áp dụng thời hạn tù của bị cáo bằng thời hạn tạm giam, trả tự do cho bị cáo tại phiên toà nếu bị cáo không phạm tội khác.

Đối với nội dung tố giác T1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Quá trình điều tra xác định: việc vợ chồng T1 ký hợp đồng đặt cọc ngày 07/11/2021 với bà Cù Thị S không phải là nhằm mục đích bán đất cho bà S mà chỉ là hợp đồng giả cách để làm căn cứ cho việc T1 nợ bà S số tiền 1.026.000.000đ. Vì vậy, hành vi của T1 không đủ căn cứ cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015. HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự của bà Cù Thị S: quá trình điều tra, ngoài lời khai của T1 thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác, do đó không đủ căn cứ để xác định bà S có hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 BLHS năm 2015. HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với người đàn ông đã bán Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho T1, căn cứ lời khai của T1 thì không xác định được con người cụ thể, nên CQĐT không đề cập xử lý trong vụ án này. HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 điều 341 BLHS.

[4] Về vật chứng: Tịch thu phát mãi tài sản: 01 (một) điện thoại di động SAM SUNG A50S Galaxy màu đen đã cũ hỏng, điện thoại không khởi động được nguồn nên không kiểm tra được số Imei, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại đã cũ.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 giấy CNQSD đất số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1982; thửa đất số 16; tờ bản đồ số 14; diện tích: 100 m^2, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội (bản Scan)- là giấy CNQSDĐ giả.

[5] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh T1** phạm tội : " *Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".*

2. Áp dụng : Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS; Khoản 5, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thanh T1 6 (Sáu) tháng 05 (lăm) ngày** tù. Thời hạn tù bằng thời gian tạm giam (Từ ngày 06/02/2023 đến ngày 11/08/2023).

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

3/ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu phát mãi tài sản: 01 (một) điện thoại di động SAM SUNG A50S Galaxy màu đen đã cũ hỏng, điện thoại không khởi động được nguồn nên không kiểm tra được số Imei, bên trong có gắn 01 thẻ sim điện thoại đã cũ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án huyện B ngày 04/8/2023)

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 giấy CNQSD đất số A0945542 mang tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm: 1982; thửa đất số 16; tờ bản đồ số 14; diện tích: 100 m^2, địa chỉ: Đồng Mọn, Thôn Đoài, thị trấn TĐ, huyện B, Hà Nội (bản Scan)- là giấy CNQSDĐ giả.

4/Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh T1 phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm .

5/Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS.

Bị cáo Nguyễn Thanh T1 có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Cù Thị S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thu Hường

Nơi nhận:

- TAND TP. HÀ Nội;

- Viện KSND H. B;

- Chi cục THADS H. B;

- Công an huyện B;

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu HS, VP.